



CÔNG TY CỔ PHẦN TECHLAB GLOBAL

**TEST REPORT/
PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO KIẾN CẢ
Address (Địa chỉ) : Thôn Ứng Hòa, xã Quảng Bị, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : TL260616005
Information provided by applicant (Thông tin được khách hàng cung cấp) : Trứng gà thảo dược tinh hoa xanh
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong hộp kín còn nguyên vẹn
Seal No (Số niêm) : Không niêm phong
Source of sample (Nguồn mẫu) : Khách hàng gửi mẫu
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 16/06/2026
Testing time (Thời gian thử nghiệm) : 16/06/2026 - 26/06/2026
Report date (Ngày trả kết quả) : 26/06/2026
Test results (Kết quả thử nghiệm) : (See next page/ Xem trang sau)

Note / Ghi chú:

- (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by TECHLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi TECHLAB.
- (1) Parameter is accredited ISO/IEC 17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
- (a) Chỉ tiêu được chỉ định bởi cơ quan nhà nước / Test parameters specified by a state authority
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<2;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our TECHLAB Terms and Conditions. TECHLAB only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của TECHLAB. TECHLAB chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of TECHLAB is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện TECHLAB

Authorized Technical Representative

Phụ trách kỹ thuật

LĨNH VỰC HÓA

LĨNH VỰC SINH

ĐỖ THỊ NGỌC ÁNH

NGUYỄN VĂN DŨNG

On behalf of TECHLAB

Đại diện TECHLAB



HOÀNG VĂN HUYNH

TEST REPORT/ PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM



Code/ Mã mẫu:		TL260616005/1			
Sample name/ Tên mẫu:		Trứng gà			
Information provided by applicant/ Thông tin được khách hàng cung cấp		Trứng gà thảo dược tinh hoa xanh			
STT	Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
1	Lipid/Chất béo ⁽¹⁾	TLG-HH1135 Ref. AOAC 963.15	g/100g	0,030	10,2
2	Protein/Chất đạm ⁽¹⁾	TLG-HH1132 Ref. AOAC 991.20	g/100g	0,100	12,6
3	Enterobacteriaceae ⁽¹⁾	ISO 21528-2:2017	CFU/g	/	<10
4	Salmonella spp. ⁽¹⁾	ISO 6579-1:2017/Amd.1:2020	Phát hiện/25g	eLOD50=3 CFU/25g	ND
5	Kẽm (Zn) ⁽¹⁾	AOAC 999.11	mg/kg	0,330	16,8
6	Magie (Mg) ⁽¹⁾	TCVN 10916: 2015	mg/kg	5,00	137
7	Sắt (Fe) ⁽¹⁾	AOAC 999.11	mg/kg	3,30	21,5
8	Vitamin B2 (Riboflavin) ^(*)	MKL-HH645 Ref. Ultra Performance Liquid Chromatography Mass Spectrometry, pp.243-278	µg/kg	25,0	3 524
9	Cholesterol ^{(1)(*)}	MKL-HH708 Ref. AOAC 994.10	mg/100g	3,00	452
10	Vitamin E ^(*)	TCVN 8276:2010	mg/kg	3,00	37,4
11	Vitamin A (Retinol) ^{(1)(*)}	MKL-HH678 Ref. Journal of AOAC INTERNATIONAL, Volume 95, Issue 3, 1 May 2012, Pages 583–587	µg/kg	3,00	5 982
12	Acephate ^{(1)(*)}	MKL-HH612 Ref. AOAC 2007.01 BS EN 15662:2018	mg/kg	0,0006	ND
13	Tylosin ^{(1)(*)}	MKL-HH615 Ref. CLG-MAL 1.02 30/07/2007	µg/kg	2,00	ND
14	Cypermethrin ^{(1)(*)}	MKL-HH735 Ref. AOAC 2007.01, BS EN 15662:2018	mg/kg	0,003	ND
15	Spectinomycin ^{(1)(*)}	MKL-HH633 Ref. CLG-AMG2.07 4/6/2015	µg/kg	100	ND